

nước ngoài hoặc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn.

4. Ban quản lý quyết định giải thể doanh nghiệp và thu hồi các Giấy phép đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Ban quản lý tổng hợp việc cấp Giấy phép đầu tư, điều chỉnh Giấy phép đầu tư, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế mở Chu Lai thuộc phạm vi quản lý và gửi báo cáo tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Điều 9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi và kiểm tra Ban quản lý thực hiện các việc được ủy quyền theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chính phủ về việc ủy quyền quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 823/2003/QĐ-BKH ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu chế xuất trong Khu kinh tế mở Chu Lai./.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ

Võ Hồng Phúc

BỘ NỘI VỤ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 43/2004/QĐ-BNV ngày 04/6/2004 về việc phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II ngày 29 tháng 4 năm 2004 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thủ trưởng

Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam (sửa đổi).

Chương I

TÊN HỘI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI

Điều 1. Tên Hội

1. Tên Hội: Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam

Tên rút gọn: Hội Quy hoạch Việt Nam

Tên Tiếng Anh: Vietnam urban Planning and Development Association

Viết tắt: VUPDA

2. Trụ sở của Trung ương Hội đặt tại Thủ đô Hà Nội.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

1. Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tập hợp những

người làm công tác quy hoạch và phát triển đô thị trong cả nước tự nguyện tham gia;

2. Hội hoạt động trong phạm vi cả nước trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, ra sức phấn đấu cho mục đích xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

3. Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;

4. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản, trụ sở và cơ quan ngôn luận riêng;

5. Hội được tham gia các tổ chức quốc tế cùng nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, đoàn kết những người làm công tác quy hoạch và phát triển đô thị trong cả nước thuộc các lĩnh vực: quy hoạch và thiết kế đô thị - nông thôn, thiết kế kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý đô thị, bảo vệ môi trường, tư vấn, đào tạo, nghiên cứu khoa học về quy hoạch, đầu tư và phát triển đô thị;

2. Bảo vệ các quyền lợi hợp pháp về tinh thần, vật chất, đạo đức nghề nghiệp của các Hội viên;

3. Thực hiện chức năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong công tác quy hoạch và phát triển đô thị; thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước giao cho Hội;

4. Tham gia với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội khác trong việc nghiên cứu, xây dựng văn bản pháp luật, công tác nghiên cứu khoa học, tư vấn đầu tư, đào tạo thuộc lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị;

5. Tuyên truyền phổ biến những kiến thức, kinh nghiệm, pháp luật góp phần nâng cao dân trí về quy hoạch và phát triển đô thị;

6. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp và hướng dẫn hoạt động hành nghề cho các Hội thành viên, các đơn vị trực thuộc của Hội;

7. Tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Chương II

HỘI VIÊN

Điều 4. Hội viên

Hội viên: bao gồm Hội viên tập thể và Hội viên cá nhân (sau đây gọi chung là Hội viên).

1. Công dân Việt Nam và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị, quản lý đô thị, tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều có thể được kết nạp là Hội viên của Hội;

2. Tổ chức, cá nhân tán thành Điều lệ của Hội, có vai trò và công lao đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội, nhưng

không có điều kiện trở thành Hội viên chính thức của Hội, nếu có nguyện vọng thì được Hội mời làm Hội viên liên kết hoặc Hội viên danh dự của Hội.

Điều 5. Thủ tục kết nạp hội viên

1. Người có nhu cầu trở thành Hội viên của Hội phải làm đơn xin gia nhập Hội;

2. Hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là Hội cấp tỉnh) tiếp nhận hồ sơ, xem xét và trình Ban chấp hành Hội cấp tỉnh xem xét quyết định và tổ chức kết nạp;

3. Đối với Chi hội của các đơn vị chuyên môn như nghiên cứu khoa học, đào tạo, sản xuất kinh doanh thuộc Trung ương Hội (dưới đây gọi là Chi hội cơ sở) thì Chi hội cơ sở tiếp nhận hồ sơ xem xét và trình Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội quyết định. Chi hội cơ sở tổ chức kết nạp Hội viên của mình sau khi có quyết định của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội.

Điều 6. Quyền của hội viên

Hội viên có quyền:

1. Tham gia các hoạt động do Hội tổ chức;

2. Ứng cử và bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội, trừ các Hội viên liên kết và Hội viên danh dự;

3. Thảo luận dân chủ các mặt công tác của Hội;

4. Được Hội bảo vệ quyền tác giả, quyền hành nghề và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật;

5. Sử dụng những phương tiện, sự giúp đỡ của Hội về vật chất và tinh thần trong hoạt động nghề nghiệp của mình;

6. Được tham gia các Hội nghề nghiệp khác theo Điều lệ của Hội đó;

7. Được xin ra khỏi Hội. Khi có nguyện vọng ra khỏi Hội, Hội viên làm đơn xin ra khỏi Hội gửi Ban chấp hành cấp Hội đã kết nạp để xóa tên.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hội viên

Hội viên có nghĩa vụ:

1. Chấp hành Điều lệ của Hội, thực hiện Nghị quyết, chương trình công tác của Hội và tham gia các hoạt động của Hội;

2. Phấn đấu đạt hiệu quả, chất lượng cao trong các hoạt động chuyên môn về quy hoạch và phát triển đô thị;

3. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và chuyên môn;

4. Tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến rộng rãi những kiến thức về lý luận, thực tiễn trong quy hoạch và phát triển đô thị;

5. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ danh dự và phẩm chất của Hội viên;

6. Đóng hội phí đầy đủ.

Chương III

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 8. Tổ chức và hoạt động của Hội

theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải kinh phí. Tổ chức của Hội bao gồm:

1. Ở Trung ương Hội: Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.

2. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (sau đây gọi chung là tỉnh) Hội Quy hoạch phát triển đô thị tỉnh.

3. Ở cơ sở: Chi hội; các tổ chức cơ sở có từ 10 Hội viên trở lên có thể thành lập Chi hội.

Điều 9. Đại hội Đại biểu toàn quốc của Hội

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc, nhiệm kỳ 5 năm. Đại hội bất thường được triệu tập khi có trên 1/2 số ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội yêu cầu. Thành phần số lượng đại biểu dự đại hội do Ban chấp hành đương nhiệm của Trung ương Hội quy định.

Nhiệm vụ của Đại hội:

- Tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ đã qua, bàn phương hướng, kế hoạch hành động của nhiệm kỳ mới.

- Thông qua, sửa đổi Điều lệ (nếu có).

- Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Trung ương Hội.

- Quyết định những vấn đề có liên quan nhằm phát triển Hội.

Điều 10. Ban chấp hành Trung ương

Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai nhiệm kỳ đại hội. Số lượng ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội do Đại hội ấn định và trực tiếp bầu.

Ban chấp hành có nhiệm vụ:

- Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội;
- Lãnh đạo thực hiện Điều lệ của Hội;
- Phát triển mối quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước, góp phần phát triển Hội;
- Theo dõi hoạt động các Hội cấp tỉnh và các Tiểu ban chuyên môn;
- Bầu Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên.
- Bầu bổ sung các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội giữa hai kỳ đại hội nếu cần thiết, nhưng số ủy viên được bầu bổ sung không vượt quá 1/3 số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội đương nhiệm đã được Đại hội bầu theo quy định;
- Ban chấp hành Trung ương Hội họp định kỳ 1 năm 1 lần (trừ trường hợp đột xuất).

Điều 11. Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội

1. Đoàn Chủ tịch Hội là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Trung ương Hội;
2. Đoàn Chủ tịch do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu;

3. Đoàn Chủ tịch Hội gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên;

4. Đoàn Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

- Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội chỉ đạo các mặt công tác của Hội. Lãnh đạo thực hiện các quyết định của Ban chấp hành Trung ương Hội giữa 2 kỳ họp của Ban Chấp hành;
- Lãnh đạo, quản lý trực tiếp các tổ chức thuộc Hội, Chi hội cơ sở;
- Thông qua dự án và các văn bản hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Quyết định thành lập các Ban chuyên môn;
- Xét khen thưởng và kỷ luật

5. Đoàn Chủ tịch Hội họp định kỳ 3 tháng 1 lần khi cần thiết Chủ tịch Hội triệu tập họp bất thường.

Điều 12. Chủ tịch Hội do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số các ủy viên Đoàn Chủ tịch Hội, chủ trì các cuộc họp của Ban chấp hành Trung ương Hội và Đoàn Chủ tịch Hội, điều hành việc triển khai các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Hội và Đoàn Chủ tịch. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội.

Điều 13. Phó Chủ tịch do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công lãnh đạo từng mặt hoạt động của Hội, thay mặt Chủ tịch ký các văn bản thuộc thẩm quyền được giao.

Điều 14. Tổng Thư ký do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra, thường trực giải quyết các công việc của Hội do Chủ tịch phân công và điều hành mọi hoạt động văn phòng Trung ương Hội, ký các văn bản thuộc thẩm quyền được giao. Khi cần thiết, Tổng Thư ký Hội đề nghị Đoàn Chủ tịch Hội xem xét và quyết định thành lập các Tiểu ban chuyên môn, các tổ chức phục vụ cho công tác phát triển Hội. Việc thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Ban Kiểm tra

Ban chấp hành bầu ra Ban kiểm tra; Ban kiểm tra có nhiệm vụ:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Điều lệ, quy chế và chương trình công tác hàng năm của Hội.

- Kiểm tra Hội viên trong các hoạt động để biểu dương khen thưởng, đồng thời phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật để kịp thời chấn chỉnh.

- Kiểm tra các hoạt động kinh tế, tài chính của Hội và các tổ chức trực thuộc Hội; xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố.

Điều 16. Hội Quy hoạch phát triển đô thị cấp tỉnh, thành phố và chi Hội cơ sở trực thuộc Trung ương Hội

Việc thành lập Hội Quy hoạch phát triển đô thị cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định. Việc thành lập các Chi hội cơ sở trực thuộc Trung ương Hội do

Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội quyết định. Các Hội và các Chi hội có Điều lệ hoặc quy chế hoạt động riêng, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và Điều lệ Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.

Chương IV

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 17. Tài chính của Hội:

1. Tài chính của Hội được quản lý, sử dụng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Hội phù hợp với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

2. Nguồn tài chính của Hội bao gồm:

- Kinh phí tài trợ của ngân sách nhà nước.
- Hội phí của Hội viên.
- Kinh phí từ các hoạt động tư vấn nghiên cứu khoa học, sáng tác, sản xuất thiết kế, dịch vụ và đào tạo của Hội.
- Kinh phí do các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ.
- Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 18. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm các tài sản cố định và các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của Hội được tạo ra từ nguồn tài chính của Hội.

Khi Hội giải thể thì tài sản của Hội được xử lý theo quy định của pháp luật.

*Chương V***KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT****Điều 19. Khen thưởng**

Hàng năm hoặc định kỳ, Ban chấp hành Trung ương Hội xét khen thưởng các Hội viên xuất sắc, các Hội, các Chi hội có nhiều thành tích hoạt động nghề nghiệp và cho những công trình, sáng tạo xuất sắc trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị. Giải thưởng về thiết kế quy hoạch và phát triển đô thị.

Quỹ khen thưởng được lấy từ các nguồn tài trợ và tài chính của Hội.

Điều 20. Kỷ luật

Việc thi hành kỷ luật các Hội viên vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và nguyên tắc hoạt động của Hội và khai trừ Hội viên ra khỏi Hội do cấp Hội có thẩm quyền kết nạp quyết định.

*Chương VI***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 21. Sửa đổi Điều lệ Hội**

Điều lệ của Hội được sửa đổi khi có đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương Hội và phải được Đại hội đại biểu toàn quốc thông qua với đa số đại biểu dự Đại hội tán thành.

Điều 22. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Điều lệ này của Hội có 6 Chương gồm 22 Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Hội thông qua và có hiệu lực theo quyết định của Bộ Nội vụ.

2. Các Hội viên và tổ chức trực thuộc Hội chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này./.

BỘ QUỐC PHÒNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng số 79/2004/QĐ-BQP ngày 07/6/2004 về việc phân định địa bàn xét xử của các Tòa án quân sự.

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996 được sửa đổi, bổ sung ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 30/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;